

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2018
V/v tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Trần Phạm Thị Hồng Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 445/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số 10 P, phường 11, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mậu T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 10, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông T có mặt; bà B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới nhau vào năm 2005 và đăng ký kết hôn nhưng sau đó đã ly hôn. Năm 2014, ông T có sự thay đổi và vì thương con nên bà B và ông T đăng ký kết hôn lại vào ngày 29/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vì kinh tế khó khăn nên dẫn đến thường xuyên cãi vã. Bà B và ông T đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Mậu T.

Về con chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Mậu H, sinh ngày: 01/12/2006 và cháu Nguyễn Mậu Minh H1, sinh ngày: 03/3/2015. Bà B có nguyện vọng được quyền trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu H1. Bà B không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng để bà B nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước đây, bị đơn ông Nguyễn Mậu T không đến tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay ông T đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà B. Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn nhưng sau đó đã ly hôn. Năm 2014, bà B và ông T đăng ký kết hôn lại vào ngày 29/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Bà B và ông T sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay ông Nguyễn Mậu T đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Mậu H, sinh ngày: 01/12/2006 và cháu Nguyễn Mậu Minh H1, sinh ngày: 03/3/2015. Bà B có nguyện vọng được quyền trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu H1. Ông T đồng ý để bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H và cháu H1.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà B và ông T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà B được ly hôn với ông T nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà B. Về con chung: Bà B có nguyện vọng được quyền trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu H1. Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng để bà B nuôi con chung và ông T đồng ý nên Tòa án cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà B ông T có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tổ tụng:* Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà B yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Mậu T là xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà B là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 29/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà B là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Bà B và ông T sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Xác minh tại địa phương thì giữa bà B và ông T có mâu thuẫn, bà B và ông T không còn chung sống với nhau. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà B, Tòa án đã triệu tập ông T để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân để bà B và ông T tiếp tục sống với nhau nhưng ông T không đến tòa án để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay ông T khai là giữa bà B và ông T có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Như vậy giữa bà B và ông T có mâu thuẫn, bà B và ông T sống ly thân đã lâu nhưng vẫn không hàn gắn lại được. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Mậu T.

[3] *Về con chung:* Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Mậu H, sinh ngày: 01/12/2006 và cháu Nguyễn Mậu Minh H1, sinh ngày: 03/3/2015. Bà Trần Thị B có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu H1. Cháu H có nguyện vọng ở với bà B. Ông T đồng ý để bà B trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu H1. Do đó xử cho bà B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu H1. Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng để bà B nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà B, ông T có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí:* Bà B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần T hị Bđược ly hôn với ông Nguyễn Mậu T.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Mậu T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Mậu H, sinh ngày: 01/12/2006 và cháu Nguyễn Mậu Minh H1, sinh ngày: 03/3/2015.

Xử cho bà Trần Thị B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Mậu H và cháu Nguyễn Mậu Minh H1. Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng để bà B nuôi con chung.

Ông Nguyễn Mậu T được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà B, ông T có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Trần Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0009939 ngày 12/12/2017, bà B đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-7-2018), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà B vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan

